TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/DS-PT
Ngày: 18-3-2022
V/v "*Tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản và di sản thừa kế* "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thư
***Các Thẩm phán*:** Ông Phạm Tiến Hiệp
Bà Nguyễn Thị Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B tham gia phiên toà: Ông Lê Văn Quang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 tháng 3 và ngày 18 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 123/2021/TLPT-DS ngày 17 tháng 12 năm 2021 về việc: *"Tranh chấp hợp đồng thuê khoán tài sản và di sản thừa kế*". Do Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2021/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện L bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 09/2022/QĐXXPT-DS ngày 23 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn*:

Bà Lê Thị Bích Ph, sinh năm 1977; Địa chỉ: Số nhà 31/2, Khu phố N, phường N, TP. T, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt

Bà Vương Thị Thùy Tr, sinh năm 1985; Địa chỉ: Tổ 8, Khu phố N, Thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Ông Trần Thiết H, sinh năm 1960; Địa chỉ: Số nhà 82, đường Lý T, Khu phố N, thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Có mặt

- Ông Trần Minh T, sinh năm 1970; Địa chỉ: Tổ 12, Khu phố T, Thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Phước. Có mặt

* *Bị đơn*:

- Ông Nguyễn Thanh T, sinh năm 1965 và bà Lê Thị Ch, sinh năm 1966; Cùng địa chỉ: Tổ 4, Khu phố N, Thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Có mặt

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thanh H, sinh năm 1994; Địa chỉ: Tổ 4, Khu phố N, Thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Có đơn

xin vắng mặt

Người kháng cáo: Bị đơn ông Nguyễn Thanh T, bà Lê Thị Ch và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thống nhất trình bày:

Ngày 28/12/2016, giữa ông Nguyễn Bình Tr với ông Nguyễn Thanh T, bà Lê Thị Ch có ký kết hợp đồng thuê vườn cây ăn trái. Theo hợp đồng thì ông Trcho ông T(em trai ông Triệu) và bà Lê Thị Ch (vợ ông T) thuê mảnh vườn ba xào cây ăn trái tại nơi ông Trsinh sống, thời hạn thuê từ ngày 01/01/2017 đến ngày 01/01/2019, tiền thuê vườn mỗi năm là 7.000.000 đồng (Bảy Trđồng). Ngoài ra, các bên còn thỏa thuận bên thuê vườn có trách nhiệm chăm sóc, có chính quyền địa Ph chứng thực, đồng thời lo cho ông Trăn uống, bệnh tật, tiền tiêu xài, nếu thời gian hai năm làm không đúng thì hai bên hoàn toàn chịu trách nhiệm. Việc ký kết hợp đồng có bà Phạm Thị Y– Trưởng ban điều hành Khu phố Ninh Th xác nhận.

Ngày 03/7/2018, ông Nguyễn Bình Tr lập di chúc để lại cho bà Vương Thị Thùy T và bà Lê Thị Bích Ph thửa đất số 66 và thửa đất số 67, cùng tờ bản đồ số 41 và cùng tọa lạc tại Thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước. Thửa đất có số liệu, vị trí và hình thể như trích lục bản đồ địa chính ngày 02/6/2017 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L.

Ngày 04/8/2018, ông Nguyễn Bình Tr chết. Tuy nhiên, do hợp đồng cho thuê vườn cây ăn trái giữa ông Tr với ông T, bà Ch chưa hết thời hạn thuê nên bà Tr và bà Ph kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Tr để tiếp tục thực hiện hợp đồng cho thuê đến hết ngày 01/01/2019. Hết thời hạn thuê, bà Ph và bà Tr yêu cầu ông T, bà Ch trả lại tài sản đã thuê thì xảy ra tranh chấp đối với di sản thừa kế do ông Tr chết để lại. Khi nộp đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết như sau: Buộc ông Nguyễn Thanh T, bà Lê Thị Ch và bà Nguyễn Thị H liên đới trả lại toàn bộ vườn cây ăn quả gắn liền với thửa đất số 66 và thửa đất số 67, tờ bản đồ số 41, tọa lạc Khu phố N, Thị trấn L, huyện Lộc N, tỉnh Bình Phước; Buộc ông Nguyễn Thanh T và bà Lê Thị Ch liên đới trả tiền thuê cây ăn trái tính từ ngày 01/01/2019 cho đến ngày ông Tvà bà Ch trả lại tài sản, tạm tính là 12.000.000 đồng (Mười hai Trđồng).

Nay phía nguyên đơn xin rút và thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể như sau:

- Rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thanh T và bà Lê Thị Ch liên đới trả tiền thuê cây ăn trái tính từ ngày 01/01/2019 cho đến ngày ông Tvà bà Ch trả lại tài sản, tạm tính là 12.000.000 đồng (Mười hai Trđồng).

- Yêu cầu Tòa án buộc ông Nguyễn Thanh T, bà Lê Thị Ch và bà Nguyễn Thị H liên đới trả lại quyền sử dụng đất diện tích 1.970m^2 thuộc thửa đất số 66 và quyền sử dụng đất diện tích 664,8m^2 thuộc thửa đất số 67, cùng thuộc tờ bản

đồ số 41 và cùng tọa lạc tại Khu phố N, Thị trấn L, huyện Lộc N, tỉnh Bình Phước và toàn bộ các tài sản có trên 02 thửa đất như đã liệt kê trong biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và Biên bản định giá tài sản. Hai thửa đất trên có vị trí, số liệu và hình thể như Trích lục bản đồ địa chính ngày 30/12/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện L.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn (ông Nguyễn Thanh T, bà Lê Thị Ch) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (bà Nguyễn Thanh H) thống nhất trình bày:

Nguồn gốc phần đất vườn thửa số 66 và số 67 tọa lạc tại Tổ 4, Khu phố N, Thị trấn L, huyện L, tỉnh Bình Phước là của cha mẹ ruột ông T (ông Nguyễn Văn C và bà Nguyễn Thị B). Cha mẹ ruột ông T cho ông Nguyễn Bình Tr, do ông Trkhông vợ con, không có có ai chăm sóc, nên đất vườn này gia đình ông bà quản lý, chăm sóc và nuôi ông Trtừ 2013 cho đến khi ông Tr chết. Đồng thời cũng trong năm 2013, ông Tr có làm di chúc thừa kế ngày 10/6/2013 cho cháu ruột là cháu H thửa đất số 67 và cháu H được toàn quyền sử dụng, không có ai được quyền tranh chấp; ông Tr có nói bằng lời nói là nếu nuôi ông Tr cho đến chết thì ông Tr cho thửa đất số 66 cho vợ chồng ông T, bà Chvà vợ chồng ông Tbà Ch được toàn quyền sử dụng, không có ai được tranh chấp. Từ năm 2013 đến năm 2017, gia đình ông bà nuôi và chu cấp cho ông Tr mỗi tháng 500.000 đồng. Từ năm 2017 cho đến khi ông Tr chết gia đình ông bà chu cấp cho ông Tr mỗi tháng 600.000 đồng. Ngoài ra, trước năm 2013, gia đình ông bà cũng qua lại chăm sóc ông Triệu.

Tại bản tự khai đề ngày 10/12/2020, bà Lê Thị Giang trình bày: Trong quá trình chung sống hôn nhân thực tế với ông Nguyễn Bình Tr, bà và ông Tr không có tài sản chung. Theo di chúc của ông Nguyễn Bình Tr thì khi chết để lại di sản cho bà Lê Thị Bích Ph và bà Vương Thị Thùy T thì bà không có ý kiến hay yêu cầu gì.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2021/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – bà Lê Thị Bích Ph và bà Vương Thị Thùy T.

Buộc ông Nguyễn Thanh T, bà Lê Thị Ch và chị Nguyễn Thanh H liên đới trả cho bà Lê Thị Bích Ph và bà Vương Thị Thùy T quyền sử dụng đất diện tích 1.970m^2 thuộc thửa đất số 66 và quyền sử dụng đất diện tích 664,8m^2 thuộc thửa đất số 67, cùng thuộc tờ bản đồ số 41 và cùng tọa lạc tại Khu phố N, Thị trấn L, huyện Lộc N, tỉnh Bình Phước (02 thửa đất có vị trí, hình thể như 02 trích lục bản đồ địa chính ngày 30/12/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lộc N) và các tài sản có trên 02 thửa đất, các tài sản cụ thể gồm:

- Tài sản trên thửa đất số 67 gồm: 02 cây măng cụt khoảng 50 năm tuổi, 05 cây chôm chôm khoảng 10 năm tuổi, 06 cây bưởi khoảng 06 năm tuổi, 50 cây chuối khoảng 03 năm tuổi, 01 cây mít khoảng 04 năm tuổi.

- Tài sản trên thửa đất số 66 gồm: 11 cây măng cụt khoảng 50 năm tuổi, 03 cây chôm chôm khoảng 10 năm tuổi, 20 cây bưởi (10 cây lớn khoảng 10 năm

tuổi, 10 cây nhỏ khoảng 05 năm tuổi), 01 cây sầu riêng khoảng 15 năm tuổi, 04 cây dừa khoảng 03 năm tuổi, 14 cây chuối khoảng 03 năm tuổi, 10 cây cam khoảng 05 năm tuổi, 01 cây sầu riêng khoảng 07 năm tuổi, 01 căn nhà tạm (nền đất, vách bằng tôn và gỗ, mái lợp tôn).

2. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Nguyễn Thanh T và bà Lê Thị Ch liên đới trả tiền thuê vườn cây ăn trái.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 10/9/2021 và ngày 28/10/2021 bị đơn bà Lê Thị Ch, ông Nguyễn Thanh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thanh H có yêu cầu kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước:

Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử: Kể từ ngày thụ lý vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Ch, ông Nguyễn Thanh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thanh H, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2021/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước để giải quyết lại theo thủ tục chung. Các phần khác không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Ch, ông Nguyễn Thanh T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thanh H thực hiện trong thời hạn luật định; Đơn kháng cáo có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272 và 273 của BLTTDS, nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm xác định chị Nguyễn Thanh H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án theo quy định tại Điều 73 của Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, sau khi xét xử sơ thẩm khi chị H có đơn kháng cáo làm cùng với bị đơn ông T, bà Chmặc dù chị H là con ruột của bị đơn ông T, bà Chống, nhưng

khi tham gia tố tụng trong vụ án án này chị H là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chứ không phải là bị đơn, lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải hướng dẫn chị H làm đơn kháng cáo với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và đóng tạm ứng án phí phúc thẩm mới đúng theo quy định của pháp luật. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm tố tụng theo quy định tại Điều 271, 274, 276 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của bị đơn ông T, bà Chvà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị H, HĐXX xét thấy:

[2.1] Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp: Nguyên đơn căn cứ vào bản di chúc của ông Nguyễn Bình Trdo Văn phòng công chứng Phạm Thị Vlập và chứng nhận vào ngày 03/7/2018 để khởi kiện bị đơn buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn diện tích đất 1.970m^2 thuộc thửa đất số 66 và quyền sử dụng đất diện tích 664,8m^2 thuộc thửa đất số 67, cùng thuộc tờ bản đồ số 41 và cùng tọa lạc tại Khu phố N, Thị trấn L, huyện Lộc N, tỉnh Bình Phước. Bị đơn ông T, bà Chkhông đồng ý với yêu cầu của nguyên đơn và cho rằng nguồn gốc đất diện tích thuộc hai thửa đất nêu trên của ông Tr là do cha mẹ ông Tr là cụ Có, cụ Ba để lại cho ông Trnăm 1984. Đồng thời trước khi chết ông Tr đã cho vợ chồng ông bà thửa đất số 66 bằng miệng và lập di chúc cho chị Nguyễn Thanh H thửa đất số 67 vào ngày 10/6/2013.

HĐXX thấy rằng, quá trình giải quyết vụ án Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào tờ khai xác định mốc thời gian sử dụng đất ngày 18/12/2007 của ông Nguyễn Bình Tr(Bút lục số 89); Biên bản xác minh khu vực, vị trí đất ngày 29/01/2008 của Ủy ban nhân dân Thị trấn L (Bút lục số 90); Đơn xác nhận đề ngày 02/7/2018 đứng tên ông Nguyễn Bình Tr, có xác nhận của Trưởng ban điều hành khu phố (Bút lục số 91); Sổ mục kê do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lcung cấp cho Tòa án (Bút lục số 109) để xác định nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là của ông Nguyễn Bình Tr là chưa chính xác trong việc đánh giá chứng cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Trần Thiết H trình bày nguồn gốc diện tích đất tranh chấp là của cha mẹ ông Tr cho ông Tr từ năm 1975. Bị đơn ông T trình bày nguồn gốc đất là bố mẹ ông cho ông Tr năm 1984. Tuy nhiên, tại tờ khai xác định mốc thời gian sử dụng đất ngày 18/12/2007 của ông Nguyễn Bình Tr (Bút lục số 89) thể hiện nguồn gốc đất cha mẹ ruột cho năm 1994 do ông Tr là người kê khai xác định mốc thời gian sử dụng. Mâu thuẫn lời khai trên về nguồn gốc đất Tòa án cấp sơ thẩm chưa tiến hành xác minh làm rõ, gây ảnh hưởng đến việc đánh giá chứng cứ vụ án.

Mặt khác, diện tích đất đang tranh chấp chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đưa UBND huyện L là Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào tham gia tố

tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ diện tích đất nêu trên có nằm trong phần đất thuộc quy hoạch hay không? Trường hợp người sử dụng đất sử dụng hợp pháp, không vi phạm quy hoạch thì có đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định Luật đất đai hay không? Đồng thời, cấp sơ thẩm cũng chưa xác định nguồn gốc các tài sản công trình trên đất, ai là người đầu tư xây dựng để có căn cứ xem xét triệt để nội dung vụ án.

[2.2] Quá trình Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết vụ án ngày 09/12/2020 bị đơn ông T, bà Ch có đơn phản tố (bút lục số 54, 60). Theo nội dung đơn phản tố bị đơn không đồng ý bản di chúc mà ông Tr lập để lại tài sản cho bà Tr và bà Ph nhưng tại phần yêu cầu của bị đơn không nêu rõ bị đơn yêu cầu về di chúc của ông Tr cụ thể như thế nào? Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm không có văn bản hướng dẫn hay thông báo cho ông T, bà Ch sửa đổi, bổ sung đơn phản tố và thụ lý giải quyết đơn phản tố của bị đơn theo đúng quy định tại Điều 193 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn ông T, bà Ch trình bày quá trình Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý giải quyết ông bà có đơn yêu cầu phản tố nhưng không được xem xét, giải quyết. Đồng thời ông bà đề nghị Tòa án xem xét chia tài sản thừa kế của ông Trcho các anh em theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp "thừa kế tài sản" nhưng lại không thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn về việc bị đơn cho rằng di chúc của ông Nguyễn Bình Tr do Văn phòng công chứng Phạm Thị V lập và chứng nhận vào ngày 03/7/2018 là vô hiệu. Và nhận định tính hợp pháp di chúc của ông Nguyễn Bình Tr do Văn phòng công chứng Phạm Thị V lập và chứng nhận vào ngày 03/7/2018 là đúng quy định pháp luật là chưa khách quan, xem xét giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn.

Trên đây là những vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự mà cấp phúc thẩm không thể khắc phục được.

[3] Từ những căn cứ và phân tích nêu trên HĐXX chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông T, bà Ch và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị H. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2021/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện L để giải quyết lại theo thủ tục chung.

[4] Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác sẽ được xem xét, giải quyết khi Tòa án sơ thẩm thụ lý vụ án lại.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn ông T, bà Ch và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị H được chấp nhận một phần nên không phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh T, bà Lê Thị Ch và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thanh H.

2. Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2021/DS-ST ngày 24 tháng 9 năm 2021 của Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Bình Phước. Chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện L giải quyết lại theo thủ tục chung.

3. Án phí dân sự sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác sẽ được xem xét, giải quyết khi Tòa án sơ thẩm thụ lý vụ án lại.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Nguyễn Thanh T, bà Lê Thị Ch và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thanh H không phải chịu. Chi cục Thi hành án dân sự huyện L hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh T, bà Lê Thị Ch và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thanh H số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009539 ngày 28/10/2021.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND, VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Thư